

Số: /BC-MNQH

Quang Hưng, ngày 05 tháng 11 năm 2024

## CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

Ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Quang Hưng

2. Địa chỉ

- Trụ sở chính: Thôn Câu Trung- xã Quang Hưng- huyện An Lão- thành phố Hải Phòng.

Điểm lẻ: Thôn Câu Thượng- xã Quang Hưng- huyện An Lão- thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3879 792; 0948690491

Gmail: mnquanghung@anlao.edu.vn

Website: <https://mnquanghung.haiphong.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường MN Công Lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

a. Sứ mạng: Tạo cho trẻ một môi trường học tập an toàn, vệ sinh, thân thiện và chất lượng. Tạo điều kiện cho trẻ phát triển về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm và xã hội. Cung cấp chương trình giáo dục đa dạng, phù hợp với lứa tuổi, nhằm khơi dậy sự sáng tạo và khám phá của trẻ. Đảm bảo mọi trẻ em đều được đối xử công bằng, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt trong cộng đồng. Tạo kết nối giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của các bậc phụ huynh và cộng đồng địa phương trong hoạt động giáo dục.

b. Tầm nhìn: Hướng tới việc xây dựng và phát triển nhà trường trở thành một môi trường giáo dục hàng đầu, lấy trẻ em làm trung tâm, nơi trẻ em được phát triển toàn diện và chuẩn bị tốt nhất cho tương lai, mọi trẻ em đều có cơ hội phát triển.

c. Mục tiêu: Xây dựng hình ảnh nhà trường uy tín, chất lượng. Giữ vững và phát triển những thành tích đã đạt được. Trang bị cho trẻ các kỹ năng sống cần thiết để hòa nhập và phát triển trong xã hội. Phát triển đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, nhiệt huyết và có năng lực để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường mầm non Quang Hưng được thành lập vào năm 1989 tiền thân là trường mầm non Dân Lập xã Quang Hưng. Năm 1995 trường được đổi tên là trường mầm non Bán công. Tháng 9/2011, trường mầm non Quang Hưng cũng như 18 trường mầm non trong huyện đã được đổi thành trường mầm non Công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động.

Trường đạt chuẩn QG mức độ 1 số 2779 ngày 13/11/2019 và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 theo QĐ số 4353/QĐ-UBND ngày 11/11/2019.

Nhà trường có đội ngũ CBGV, NV đầy đủ về số lượng và chất lượng, tư cách đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong công tác quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng văn bản chỉ đạo cấp trên, xây dựng kế hoạch chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho CBGV, NV. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sư phạm

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện qui chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách của GV.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CBGV, NV.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử**

Họ và tên: Hoàng Thị Lan Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Quang Hưng- Thôn Câu Trung- xã Quang Hưng- huyện An Lão- thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0948690491

Gmail: mnquanghung@anlao.edu.vn

Website: <https://mnquanghung.haiphong.edu.vn/>

## **7. Tổ chức bộ máy**

***a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)***

Trường mầm non Quang Hưng được thành lập vào năm 1989 tiền thân là trường mầm non Dân Lập xã Quang Hưng. Năm 1995 trường được đổi tên là trường mầm non Bán công.

Tháng 9/2011, trường mầm non Quang Hưng cũng như 18 trường mầm non trong huyện đã được đổi thành trường mầm non Công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động.

**b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường Danh sách thành viên hội đồng trường**

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 5902/QĐ- UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy Ban Nhân dân huyện An Lão về việc Về việc Kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học sơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021 - 2025; Quyết định số 5902/QĐ- UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy Ban Nhân dân huyện An Lão về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện An Lão - Nhiệm kỳ 2021-2025.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
1	Bà Hoàng Thị Lan Anh	Chi ủy viên- Phó hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó chủ tịch UBND xã Quang Hưng	Ủy viên Hội đồng
3	Bà Phạm Thị Phương	Chi ủy viên- Phó hiệu trưởng	PCT Hội đồng
4	Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Chủ tịch công đoàn	Thư ký - Hội đồng
5	Bà Lương Mai Hồng	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng
6	Bà Trịnh Thị Thư	Tổ trưởng chuyên môn khối 5 tuổi	Ủy viên Hội đồng
7	Bà Lê Thị Vân	Tổ trưởng chuyên môn khối Nhà trẻ	Ủy viên Hội đồng
8	Bà Đỗ Thị Lan	Tổ phó chuyên môn khối 3 tuổi	Ủy viên Hội đồng
9	Bà Lê Thị Thuận	Tổ trưởng Tổ văn phòng - Kế toán	Ủy viên Hội đồng
10	Bà Lê Thị Mỹ	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên Hội đồng
11	Ông Đào Văn Lợi	Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Ủy viên Hội đồng

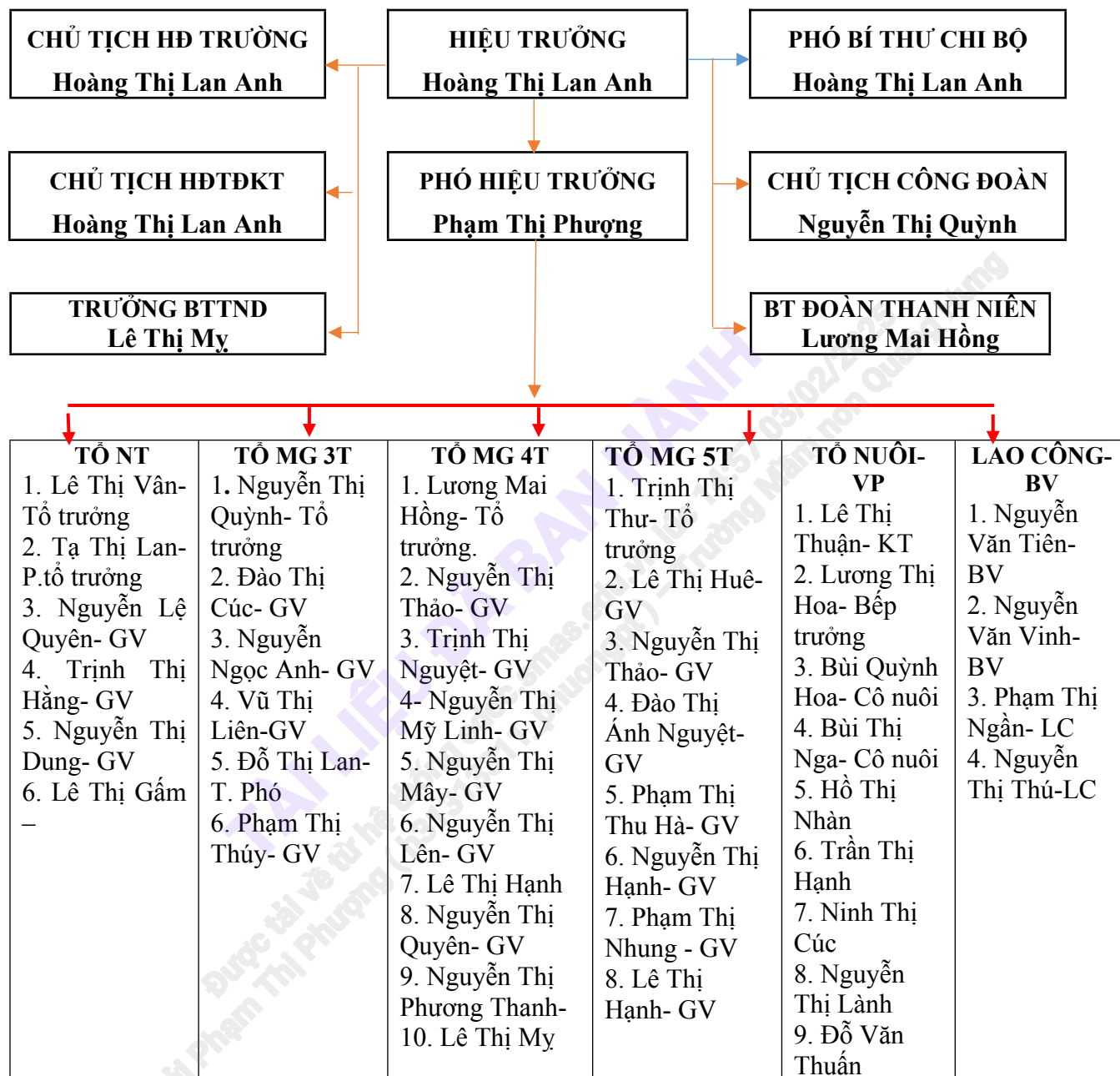
**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục**

- Quyết định số 4303/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện An Lão huyện về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi nghỉ hưu với bà Hoàng Giang Phương - Hiệu trưởng trường MN Quang Hưng.

- Quyết định số 4572/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND huyện An Lão huyện về việc điều động CBQL với bà Phạm Thị Phương- Phó hiệu trưởng trường MN Quốc Tuấn

đến nhận công tác tại trường Mầm non Quang Hưng và giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non Quang Hưng kể từ ngày 01/8/2024.

**d) Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**



**e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục**

Họ và tên: Hoàng Thị Lan Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Quang Hưng - Thôn Câu Trung, xã Quang Hưng, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0948690491

Gmail: mnquanghung@anlao.edu.vn

Website: <https://mnquanghung.haiphong.edu.vn/>

### III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

#### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

*a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo*

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Thạc sĩ	ĐH	CD	TC	Sơ cấp
<b>Tổng số CNGV,NV</b>		41		28	8	5	
<b>I.</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>		<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hiệu trưởng	1		1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1		1	0	0	0
<b>II.</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>30</b>		<b>26</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhà trẻ	6		5	1	0	0
2	Mẫu giáo	24		21	3	0	0
<b>III.</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>13</b>		<b>1</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>
1	Nhân viên kế toán	1		1	0	0	0
2	Nhân viên nuôi dưỡng	8		0	4	4	0
3	Bảo vệ	2		0	0	0	2
4	Lao công	2		0	0	0	2

*b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp*

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý	2
	Số lượng	2
	Tỷ lệ	100%

2	Giáo viên	30
	Số lượng	30
	Tỷ lệ	100%

*c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định*

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025
<b>1</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	2
	Số lượng	2
	Tỷ lệ	100%
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>	30
	Số lượng	30
	Tỷ lệ	100
<b>3</b>	<b>Nhân viên</b>	13
	Số lượng	13
	Tỷ lệ	100%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Thông tin về cơ sở vật chất

*a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định*

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	15	-
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	15	-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	02	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	4920	12,3 m <sup>2</sup> /trẻ
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	2458	6,1m <sup>2</sup> /trẻ
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>	2462	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	1150	3.0m <sup>2</sup> /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	180	0,46 m <sup>2</sup> /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	745	1.94m <sup>2</sup> /trẻ
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>	76	0.19m <sup>2</sup> /trẻ
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i>	60	0.15m <sup>2</sup> /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	125	0.32m <sup>2</sup> /trẻ
8	Phòng học tiếng anh	126	0.32m <sup>2</sup> /trẻ
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	1264	86 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1264	86 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	69	5 bộ/ nhóm (lớp)
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	7	7 bộ/sân chơi (trường)
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b>	15	1 bộ/ lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác</b> (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	17 cái	15/15
2	Đầu đĩa	1	0
3	Âm ly 1 cái	1 cái	0
	Loa, mic	01 bộ	0
4	Loa kéo	1 cái	1/15
	Camera	17	
	Điều hòa	20	
	Bình nóng lạnh	8	

		Số lượng(m <sup>2</sup> )		
<b>XI</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Dùng cho giáo viên</b>	<b>Dùng cho học sinh</b>	
			<b>Chung</b>	<b>Nam/Nữ</b>
1	Đạt chuẩn vệ sinh	9.0m <sup>2</sup>	180	90/90
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá:

Trường Mầm non Quang Hưng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

##### 2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

- Trường đã được đánh giá ngoài cấp độ 2. (Tháng 11 năm 2019)
- Được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ I (Tháng 11 năm 2019)

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện CSNDGD trẻ năm học trước

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	15	15
2	Tổng số trẻ	394	382
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	30	26
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	394	382
5	Số trẻ ăn bán trú	394	382
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	394	382
7	Kết quả thực hiện PCGD TE 5T	108	117
8	Số trẻ khuyết tật	0	3

#### VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Tình hình tài chính		
	Chi tiền lương và thu nhập		
	Chi CSVC và dịch vụ		
	Chi hỗ trợ người học		

	Chi khác		
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học	<p>1. Tiền ăn bán trú (đã bao gồm chất đốt): 25.000đ/ngày</p> <p>2. Hỗ trợ nhân viên trực tiếp nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý: 120.000đ/tháng</p> <p>3. Quản lý ngoài giờ hành chính (từ 11h30 – 13h30): 10.000đ/ngày</p> <p>4. Dịch vụ dạy thêm thứ 7 (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 40.000đ/buổi</p> <p>5. Học tiếng Anh do người giáo viên trong nước giảng dạy (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 27.500đ/tiết</p> <p>6. Mua sắm thiết bị phục vụ bán trú: 360.000đ/năm/ học sinh mới đi học; 200.000đ/năm với trẻ đi năm 2</p> <p>Bảo hiểm toàn diện (không bắt buộc): 120.000đ/năm</p>	<p>1. Tiền ăn bán trú (đã bao gồm chất đốt): 27.000đ/ngày</p> <p>2. Hỗ trợ nhân viên trực tiếp nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý: 120.000đ/tháng</p> <p>3. Quản lý ngoài giờ hành chính (từ 11h30 – 13h30): 10.000đ/ngày</p> <p>4. Dịch vụ dạy thêm thứ 7 (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 40.000đ/buổi</p> <p>5. Học tiếng Anh do người giáo viên trong nước giảng dạy (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 27.500đ/tiết</p> <p>6. Mua sắm thiết bị phục vụ bán trú: 360.000đ/năm/ học sinh mới đi học; 200.000đ/năm với trẻ đi năm 2</p> <p>Bảo hiểm toàn diện (không bắt buộc): 120.000đ/năm</p>
3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm		
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)		

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và GV mầm non**

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

### **7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### **7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt kết quả khả quan, vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, phụ huynh ( mua máy giặt, tủ đựng đồ dùng cá nhân trẻ, giá góc gỗ, tủ đựng ca cốc...).

### **7.4. Tăng cường ứng dụng CNTT, thực hiện công tác chuyển đổi số**

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như quản lý cán bộ phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế dịch vụ công, quản lý tài sản công, phần mềm quản lý trang web,... sử dụng phần mềm edoc trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Tiếp tục triển khai rà soát hoàn thiện cập nhật mã định danh của trẻ, hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như MISA, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, quản lý trang web... Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng

dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

### **7.5. Công tác truyền thông**

Nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường lớp, qua trang mạng xã hội trang Fanpage mầm non Quang Hưng, Zalo nhóm lớp, thông qua website trường: <http://mnquanghunganlao.haiphong.edu.vn>.

*Trên đây là báo cáo thường niên của Trường Mầm non Chiến năm học 2024-2025./.*

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT huyện An Lão (để b/c);
- Niêm yết tại bảng công khai và Website;
- Ban chỉ đạo trường;
- Lưu: VT.

*Quang Hưng, ngày 05 tháng 11 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Thị Lan Anh**

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023 - 2024

### 1. Kết quả thực hiện

TT	Nội dung công khai	Thời gian công khai	Hình thức công khai	Thời gian kết thúc công khai	Kết quả sau CK

### 2. Đánh giá chung

2.1 Ưu điểm:

2.2 Tồn tại, hạn chế:

2.3. Đề xuất, kiến nghị:

## III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Mục đích công khai

2. Nguyên tắc thực hiện công khai

3. Nội dung công khai

TT	Nội dung công khai	Thời gian công khai	Hình thức công khai

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công khai năm học 2023-2024 và kế hoạch thực hiện công khai năm học 2024 -2025 của trường .....

*Nơi nhận:*

- Phòng GD&ĐT(Đề b/c);

- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

